

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/ HNGĐ-ST

Ngày 24/3/2020

V/v: “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn vinh.
2. Bà Trương Thị Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai
tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp: “ly hôn, nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX-ST ngày 9 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị A.

Địa chỉ: Thôn N, xã Thanh Bình, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.
Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Tài Văn C.

Địa chỉ: Thôn N, xã Thanh Bình, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.
(Có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 6 tháng 12 năm 2019 và bản tự khai ngày 10 tháng 12 năm 2019 nguyên đơn chị Vàng Thị A trình bày: Chị và anh Tải Văn C lấy nhau năm 2014 và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai ngày 14/01/2014. Hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào. Sau khi c[on]g[hi]nh nhau về thời gian đầu sống hoà thuận hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh C bị tai nạn nên hay chửi bới chị và tính tình vợ chồng không hợp nhau hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2018 không ai quan tâm đến ai. Chị Vàng Thị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Tải Văn C được ly hôn.

Về con: Trước khi lấy nhau chị và anh C không ai có con riêng vì vậy không yêu A Tòa án giải quyết. Sau khi lấy nhau về chị và anh C sinh được một người con chung là Tải Đ sinh ngày 05/01/2015 nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn anh C thì chị sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tải Đ đến tuổi trưởng thành và không yêu A anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Đăng.

Về tài sản: Trước khi kết hôn chị và anh C không có tài sản riêng gì vì vậy không yêu A Tòa án giải quyết. Tài sản chung chị và anh C chưa tạo dựng được tài sản gì nên không yêu A Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Chị và anh C không nợ ai và không cho người khác vay nợ vì vậy không yêu A Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 02 năm 2020 bị đơn là anh Tải Văn C trình bày: Anh và chị Vàng Thị A lấy nhau năm 2014 và đến ngày 14/01/2014 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. từ khi lấy nhau về không có mâu thuẫn gì trầm trọng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn là do anh bị tai nạn không đi làm được chị A đi làm thuê không mang tiền về xây dựng kinh tế gia đình nên vợ chồng hay cãi chửi nhau mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo động viên. Đến nay chị Vàng Thị A làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị Vàng Thị A vì anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn mong Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Nếu chị A mà cương quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con: Trong thời gian chung sống anh, chị không ai có con riêng mà sau khi lấy nhau về sinh được một người con chung là Tải Đ sinh ngày 5/01/2015. Nguyện vọng của anh nếu chị A cương quyết ly hôn thì anh sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tải Đ đến tuổi trưởng thành và yêu A chị A

đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Đăng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản: Anh và chị Vàng Thị A không có tài sản gì riêng sau khi lấy nhau về chưa tạo dựng được tài sản gì chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Anh và chị Vàng Thị A không nợ ai và không cho người khác vay nợ vì vậy không yêu A Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau:

+, Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về công tác xây dựng hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của phiên tòa sơ thẩm, không vi phạm thủ tục tố tụng.

+, Về hướng giải quyết vụ án: Chị Vàng Thị A và anh Tải Văn C xác lập hôn nhân vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2014. Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhưng trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống anh C và chị A thường xuyên cãi chửi nhau, chị A và anh C đã ly thân nhau từ tháng 08/2018. Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần hơn nữa chị A đã ly thân anh C từ tháng 8/2018 cho đến nay không ai quan tâm tới ai vì vậy căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về con: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có con riêng vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

Con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Vàng Thị A và anh Tải Văn C giao cháu Tải Đ, sinh ngày 5/01/2015 cho anh Tải Văn C trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị Vàng Thị A cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Tải Đ là 1.000.000 đồng/tháng. Nên áp dụng khoản 1,2 điều 81; Khoản 1,2,3 Điều 82; Khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ. Do bị đơn Tải Văn C đi lại khó khăn, nên Tòa án tiến hành lấy lời khai của

đương sự ngoài trụ sở Tòa án. Biên bản lấy lời khai của đương sự được thực hiện đúng với quy định tại điều 98 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 20/3/2020 anh C có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị A và anh Tãi Văn C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014 và đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhưng trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống anh C và chị A thường xuyên cãi chửi nhau, chị A và anh C đã ly thân nhau từ tháng 08/2018. Tại các biên bản hòa giải ngày 12/02/2020, ngày 3/3/2020 anh Tãi Văn C không nhất trí ly hôn với chị A. Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần hơn nữa chị A đã ly thân anh C từ tháng 8/2018 cho đến nay không ai quan tâm tới ai vì vậy căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết là phù hợp.

[3]. Về con: Trước khi kết hôn anh, chị không ai con riêng vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

Con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của chị Vàng Thị A và anh Tãi Văn C giao cháu Tãi Đ, sinh ngày 5/01/2015 cho anh Tãi Văn C trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị Vàng Thị A cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Tãi Đ là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4 năm 2020 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Nên áp dụng khoản 1,2 Điều 81; Khoản 1,2,3 Điều 82; Khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[4]. Về tài sản: Chị A và anh C không yêu A nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về khoản nợ: Chị A và anh C không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ vì vậy Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Vàng Thị A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo định kỳ quy định khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,2,3 Điều 82; khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Về hôn nhân: Chị Vàng Thị A được ly hôn anh Tãi Văn C.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về con: Giao cháu Tãi Đ, sinh ngày 5/01/2015 cho anh Tãi Văn C trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Vàng Thị A

cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Tải Đ là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4 năm 2020 cho đến khi cháu Đăng đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị A thực hiện quyền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chị Vàng Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) phí cấp dưỡng theo định kỳ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0007984 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Chị Vàng Thị A còn phải nộp là 150.000 đồng

Chị Vàng Thị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tải Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+ huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình.
- Các đương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hải Quân